TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2462/2021/QĐST-DS	*Thành phố Thủ Đức, ngày 15 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2021, các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 488/2020/TLST-DS ngày 20/11/2020 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A

Địa chỉ: A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường B, Quận C, Tp. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Phan Thị Ngọc Q, sinh năm 1992

Địa chỉ: A Ngô Chí Quốc, phường B, thành phố C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ngân hàng thương mại cổ phần A và bà Phan Thị Ngọc Q thống nhất số tiền mà bà Phan Thị Ngọc Q còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu tổng cộng cả lãi và gốc tính đến ngày 07/12/2021 là **666.685.731** đồng (bao gồm vốn gốc: 437.489.588 đồng và tiền lãi trong hạn: 49.420.621 đồng, lãi quá hạn: 111.440.977 đồng, phạt chậm trả lãi: 12.614.057 đồng, phí các khoản phải trả 55.720.489 đồng) thống nhất phương thức thanh toán như sau:

- Vào ngày 31/05/2022, bà Phan Thị Ngọc Q trả số tiền toàn bộ số tiền **671.685.731** đồng (bao gồm vốn gốc: 437.489.588 đồng và tiền lãi trong hạn:

49.420.621 đồng, lãi quá hạn: 111.440.977 đồng, phạt chậm trả lãi: 12.614.057 đồng, phí các khoản phải trả 55.720.489 đồng và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 5.000.000 đồng) và tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, tính từ ngày 08/12/2021 cho đến ngày trả dứt nợ.

Trường hợp bà Q không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, bao gồm Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất tại 185/37/1 Ngô Chí Quốc, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức theo Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số CI 814308, thửa đất số 929, tờ bản đồ số 35 do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức) cấp ngày 20/6/2017 đứng tên bà Phan Thị Ngọc Q, theo hợp đồng thế chấp số: KIT.BĐCN.89.310119 ngày 31/01/2019 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm 15.433.714 đồng, bà Phan Thị Ngọc Q phải chịu. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP A số tiền 22.908.209 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0058251 ngày 20/11/2020 của Chi cục thi hành án thành phố Thủ Đức lập.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014)".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS nhân dân TP. Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THA DS TP. Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Đinh Khắc Hưng

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).